

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-01-2018.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Cao Thị Mận.**

2. Ông Phạm Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **742/2017/TLST-HNGĐ** ngày 25 tháng 12 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **05/2018/QĐST-HNGĐ** ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Ngọc L** - Sn: 1985. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp T, xã XT, huyện XL, Đồng Nai.

Nghề nghiệp: May gia công.

*** Bị đơn:** Anh **Phạm V** - Sn: 1979. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp T, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Buôn bán.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Phạm V cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, vào năm 2008. Cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh V chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, chị đã

khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh V vẫn không sửa đổi, anh chị không sống chung với nhau từ tháng 4-2017 đến nay. Chị nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn anh Phạm V.

Vợ chồng có 02 người con tên Phạm B, sinh ngày 03-8-2005 và Phạm Lê N, sinh ngày 12-3-2007, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Anh Phạm V (bị đơn) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Ngọc L về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ giữa anh và chị L. Anh còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án buộc ly hôn, thì:

Về con chung: Anh đồng ý giao cả 02 người con Phạm B và Phạm Lê N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con vì anh chưa có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị L: Chị L được ly hôn anh V, chị L được trực tiếp nuôi 02 người con chung tên Phạm B và Phạm Lê N, tạm miễn khoản cấp dưỡng cho anh V; tài sản và nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Phạm V có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phạm V.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 81, Quyển số: 01-2008, ngày 15-7-2008 của Ủy ban nhân dân xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai cấp cho anh Phạm V–chị Lê Thị Ngọc L đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh anh chị là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh V chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, anh V thừa nhận đúng như vậy. Quá trình giải quyết vụ án, anh V không đến Tòa án để hòa giải, cho thấy anh không có thiện chí vợ chồng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ. Chứng tỏ hôn nhân của anh V – chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:*

Anh V và chị L thống nhất có 02 người con chung tên Phạm B, sinh ngày 03-8-2005 và Phạm Lê N, sinh ngày 12-3-2007, sau khi ly hôn chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con. Thời gian qua chị L chăm sóc các con đảm bảo và nguyện vọng của các con muốn được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao cả 02 người con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về tài sản:* Anh V và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Anh V và chị L trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:*

Chị Lê Thị Ngọc L phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc L và anh Phạm V.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 người con chung tên Phạm B, sinh ngày 03-8-2005 và Phạm Lê N, sinh ngày 12-3-2007 cho chị Lê Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị L và anh V có yêu cầu khác.

Tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm V.

Anh V được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Lê Thị Ngọc L nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị L nộp theo Biên lai thu tiền số: **008058** ngày **15-12-2017**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XT;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng